

Số: 36/BC- UBND

Trung Thành, ngày 24 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011 - 2020, định hướng giai đoạn 2021 – 2030**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2011 – 2020**

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Tổ chức quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương; Quyết định số 876/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Hàng năm UBND xã đều xây dựng, ban hành kế hoạch cải cách hành chính. Cụ thể: Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 30/12/2011, kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 12/6/2012, kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 1/6/2013, kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 20/8/2014, Kế hoạch số 04A/KH-UBND ngày 10/2/2015, kế hoạch số 07A/KH-UBND ngày 3/3/2016, quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 ban hành kế hoạch CCHC năm 2017, quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 29/1/2018 ban hành kế hoạch CCHC năm 2018, quyết định số 10A/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 ban hành kế hoạch CCHC năm 2019, quyết định số 13A/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 ban hành kế hoạch CCHC năm 2020.

Định kỳ hàng năm, UBND xã tổng kết công tác CCHC nhằm đánh giá những kết quả đạt được và nêu ra những tồn tại, hạn chế để khắc phục, rút kinh nghiệm.

2. Thông tin, tuyên truyền:

- Tổ chức triển khai phổ biến và quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức.

- Đài truyền thanh xã xây dựng chuyên mục, chuyên trang về cải cách hành chính để tuyên truyền và phản hồi ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan tổ chức về công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã.

- Thực hiện Công khai các thủ tục hành chính bằng hình thức niêm yết tại bộ phận một cửa và trên trang thông tin điện tử của xã, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tiếp cận giải quyết các TTHC tại xã

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được: Công tác cải cách hành chính ở địa phương được quan tâm đơn đốc chỉ đạo. Hàng năm UBND xã đều đưa nội dung kiểm điểm, đánh giá về cải cách hành chính là một nội dung bắt buộc trong các kỳ họp giao ban hàng tháng của UBND xã. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính từ đó nâng cao nhận thức của cán bộ công chức và người dân trong việc chung tay thực hiện cải cách hành chính.

b) Tồn tại, hạn chế: Nhận thức ở một số ban, ngành về công tác CCHC còn thấp nên việc phối hợp thực hiện giải quyết TTHC còn chưa đồng bộ, chặt chẽ.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

1. Cải cách thể chế

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ở tất cả các lĩnh vực, nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật. Trong thời gian qua không có văn bản nào ban hành trái quy định của pháp luật.

- Thường xuyên rà soát và kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền hủy bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật mới ban hành.

- Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật ngân sách, Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Luật khiếu nại tố cáo, Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp...

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Hàng năm UBND xã đều ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC, đưa công tác kiểm soát thủ tục hành chính đi vào nề nếp. Công khai, minh bạch các thủ tục hành

chính, thường xuyên rà soát TTHC, cập nhật đầy đủ, kịp thời 205 thủ tục hành chính cấp xã đang có hiệu lực thi hành bằng hình thức niêm yết và trên trang thông tin điện tử của xã.

- Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, thực hiện cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết TTHC.

- Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Ban hành Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 18 / 01 / 2019 của UBND xã về Kiện toàn bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa; ban hành quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 18/ 01 /2019 của UBND xã về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND xã Trung Thành.

- Công tác phối hợp giữa cán bộ, công chức chuyên trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính luôn được quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo địa phương, quán triệt đến từng cán bộ, công chức khi tham gia giải quyết thủ tục hành chính phải phối hợp chặt chẽ, không gây phiền hà cho tổ chức, cá nhân tham gia giải quyết TTHC..

- Tổ chức lấy phiếu ý kiến đánh giá sự hài lòng của các tổ chức cá nhân đối với việc giải quyết TTHC tại UBND xã. Từ đó chấn chỉnh kịp thời, Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính, thủ tục hành chính để hỗ trợ việc nâng cao hiệu quả và tăng cường cơ chế giám sát việc thực hiện các quy định hành chính, thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan hành chính cấp xã, ngay từ đầu nhiệm kỳ UBND xã đã ban hành quy chế làm việc của UBND xã, phân công cụ thể nhiệm vụ của từng chức danh chức vụ của CBCC thuộc UBND xã. Cụ thể: Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 14/9/2015 về ban hành quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2016-2021.

- Sắp xếp bố trí cán bộ, công chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và số lượng cán bộ, công chức, viên chức các ban ngành theo số lượng biên chế được giao và gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính .

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân lực của các đơn vị sự nghiệp công lập; Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, y tế.

- Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong việc giải quyết các nhiệm vụ có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ban ngành của xã, trong đó UBND xã là trung tâm chỉ đạo và đôn đốc phối hợp thực hiện.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phát huy trách nhiệm người đứng đầu cơ

quan, đơn vị, địa phương trong công tác cải cách hành chính và phòng chống tham nhũng.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Trung Thành là xã loại 3 được biên chế 21 chức danh cán bộ, công chức xã, tại thời điểm hiện tại UBND xã có 18 cán bộ, công chức; trong đó có 1 đồng chí kiêm nhiệm, thiếu 01 công chức xã đội trưởng, 01 cán bộ giữa chức vụ Chủ tịch hội CCB.

+ Về trình độ chuyên môn: Có 13 đồng chí có trình độ Đại học, đạt 72.2 %; Có 5 đồng chí trình độ trung cấp (01 đồng chí đang theo học Đại học)

+ Về trình độ chính trị: Có 11 đồng chí có trung độ trung cấp lý luận chính trị, đạt 61%. (có 3 đồng chí đang học TCLLCT).

+ Về trình độ QLNN: có 3 đồng chí có trình độ trung cấp quản lý nhà nước, 01 đồng chí có trình độ ĐH QLNN.

- Thực hiện quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2016-2021; Quy chế văn hóa công sở, không có cán bộ, công chức vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế làm việc, chấp hành tốt quy chế làm việc, quy chế văn hóa công sở, thời gian làm việc theo quy định.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện công khai minh bạch tài chính, thu-chi tài chính, quyết toán tài chính ngân sách hàng năm theo quy định của luật ngân sách, tổ chức quán triệt đến toàn bộ cán bộ, công chức trong cơ quan về luật ngân sách, hàng năm tiết kiệm chi ngân sách 10% theo quy định của cấp trên.

- Công tác báo cáo quyết toán về ngân sách luôn được thực hiện theo quy định, báo cáo được ban kinh tế HĐND xã thẩm định trước khi trình kỳ họp HĐND xã quyết nghị theo quy định.

6. Về hiện đại hóa hành chính

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hành chính nhà nước đã và đang ngày càng trở nên sâu rộng, góp phần đơn giản hoá TTHC, giảm thiểu các quy trình công việc đang được tiến hành theo phương pháp thủ công bằng việc đưa vào sử dụng các phần mềm ứng dụng được xử lý qua mạng Internet.

Được sự chỉ đạo hướng dẫn của cấp huyện, đến nay UBND xã đã triển khai và sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ của các công chức chuyên môn như:

- Tư pháp - hộ tịch: Hệ thống đăng ký và quản lý Hộ tịch (liên thông tuyến tỉnh),

- Lao động - TBXH: Hệ thống quản lý tài chính về an sinh xã hội (website)

- Địa chính - xây dựng: phần mềm Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất MicroLUSP, Công cụ hỗ trợ kiểm kê đất đai TK-Tool

- Kế toán: phần mềm Kế toán Misa, phần mềm VNPT-BHXH (Dịch vụ kê

khai BHXH trực tuyến).

- Văn phòng - thống kê: Cổng thông tin điện tử (website), Hệ thống theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ (website), phần mềm ứng dụng chữ ký số Vsigh-PDF, , phần mềm Tra cứu và soạn thảo văn bản luật. Phần mềm quản lý hồ sơ, công việc TDOoffice.

- Công chức Nông nghiệp có phần mềm ATTP.

UBND xã cũng chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong cải cách TTHC phục vụ người dân và tổ chức: Tại Bộ phận một cửa được trang bị 05 máy vi tính, 04 máy in, 1 máy Scan. Hầu hết CBCC đã thực hiện được việc trao đổi thông tin và hồ sơ, văn bản qua hệ thống thư điện tử. Trong hoạt động nội bộ của cơ quan có ít nhất 80% văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử. Từ đó nâng cao hiệu quả trong quản lý điều hành, giảm chi phí đi lại của công dân và các tổ chức, đồng thời giảm công văn, giấy tờ, tiết kiệm chi phí.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

1. Những kết quả tích cực đã đạt được:

Thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 của TTCP, UBND xã Trung Thành đã xây dựng kế hoạch, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng CCHC. Công tác CCHC đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần cơ bản giải quyết được nhiều vấn đề khiếm khuyết tồn tại lâu nay, cụ thể như:

- Giảm phiền hà cho tổ chức, công dân khi có yêu cầu giải quyết công việc tại cơ quan hành chính nhà nước.

- Góp phần chống tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng của một bộ phận CBCC. Nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần, thái độ phục vụ tổ chức, công dân của đội ngũ CBCC.

- Nâng cao chất lượng công vụ, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Góp phần làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, công dân.

- Góp phần sắp xếp lại tổ chức bộ máy cơ quan hành chính nhà nước cấp xã theo hướng gọn nhẹ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

- Công chức được điều động làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả là các đồng chí có trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác, hiểu biết chính sách, pháp luật, có chuyên môn về lĩnh vực công việc phụ trách, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, gương mẫu. Ngoài ra còn được tổ chức tập huấn về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hành chính và các nội dung cơ bản về thực hiện cơ chế một cửa đã góp phần tăng cường niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng và Nhà nước.

- Việc niêm yết các nội dung công việc, thủ tục về hồ sơ, các loại giấy tờ biểu mẫu, quy trình giải quyết, thời gian giải quyết, phí và lệ phí cơ bản được thực

hiện công khai đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi tổ chức, công dân được biết và thực hiện đồng thời giám sát việc thực hiện TTHC tại cơ quan.

Thông qua thực hiện công tác CCHC, Quy chế dân chủ được phát huy mạnh mẽ trong cơ quan hành chính nhà nước cấp xã. Nhân dân được tham gia góp ý kiến với chính quyền về các trình tự, thủ tục, cách thức làm việc, về phẩm chất đạo đức của CBCC, được tạo điều kiện để hiểu, tham gia và giám sát hoạt động của chính quyền.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a. Tồn tại hạn chế.

- Năng lực, trình độ của đội ngũ CBCC tuy được nâng lên nhưng còn chưa đồng đều, việc bố trí CBCC còn kiêm nhiệm (vừa làm nhiệm vụ chuyên môn, vừa làm nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ) nên việc thực hiện công tác CCHC đạt hiệu quả chưa cao

- Nhận thức ở một số ban, ngành về công tác CCHC còn thấp nên việc phối hợp thực hiện giải quyết TTHC ở địa phương chưa đồng bộ, chặt chẽ.

- Việc phối hợp công khai TTHC ở một số ban, ngành vẫn còn chưa đầy đủ.

- Cơ sở vật chất hạ tầng còn yếu kém: Nơi làm việc của bộ phận 1 cửa chật hẹp, trang thiết bị phục vụ cho công tác CCHC vẫn chưa đáp ứng theo yêu cầu.

b. Nguyên nhân .

- Công tác tuyên truyền các văn bản pháp luật về công tác CCHC còn chưa thường xuyên nên việc nhận thức về vai trò của CCHC ở một số đơn vị vẫn còn ở mức độ nhất định.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ công tác CCHC đặc biệt là mua sắm trang thiết bị và hỗ trợ CBCC thực hiện liên thông các TTHC còn hạn chế

- Một số TTHC do các cơ quan có thẩm quyền ban hành nằm rải rác trong các văn bản pháp luật khác nhau do đó việc thống kê, rà soát đôi khi còn gặp khó khăn.

- Khi thực hiện các TTHC, các cấp có thẩm quyền yêu cầu đầy đủ hồ sơ song một số hộ gia đình, cá nhân do lâu ngày giấy tờ lưu trữ đã hỏng hoặc mất nên việc giải quyết gặp nhiều khó khăn, thời gian kéo dài.

2. Những bài học kinh nghiệm trong triển khai cải cách hành chính:

Từ những kết quả đã đạt được trong Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, những hạn chế tồn tại nêu trên đã rút ra những bài học kinh nghiệm cụ thể.

Một là: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng chính quyền địa phương, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện cần bám sát vào hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên, theo các quy định của pháp luật.

Hai là: Tăng cường công tác tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên

chức và các tầng lớp nhân dân nhận thức rõ hơn về cải cách hành chính, những tác động tích cực từ cải cách hành chính, tạo môi trường lành mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Nội dung tuyên truyền phải phong phú, hình thức tuyên truyền phải rộng rãi, dễ hiểu, dễ đọc, dễ thuộc và dễ nhớ, lồng ghép các hoạt động văn hóa văn nghệ vào các nội dung tuyên truyền.

Ba là: Mặt trận tổ quốc và các thể chính trị xã hội phải tích cực tuyên truyền cho hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân hiểu, biết về CCHC.

Bốn là: Tổ chức khen thưởng kịp thời cho tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác CCHC, khích lệ động viên kịp thời những điển hình tiên tiến về CCHC, bố trí cán bộ, công chức thực hiện công tác CCHC phải đảm bảo theo quy định.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2020 - 2030

Từ những kết quả đạt được trong Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, cần tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030 như sau;

1. Về thể chế.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương trong cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, tham mưu kịp thời cho UBND xã, Chủ tịch UBND xã để ban hành các văn bản chỉ đạo công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

Tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, nội dung, lồng ghép vào các hội nghị ở xã, thôn, hội thi, tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh của xã, nội dung tuyên truyền dễ hiểu, dễ tiếp cận.

Kiểm soát chặt chẽ trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương, chủ động tham mưu cho UBND xã, chủ tịch UBND xã về kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Về thủ tục hành chính.

Thường xuyên cập nhật các thủ tục hành chính mới ban hành, thực hiện rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của giải quyết của địa phương còn vướng mắc, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp.

Bố trí niêm yết công khai, đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương, niêm yết công khai mức thu phí, lệ phí theo đúng quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để tổ chức, cá nhân dễ thấy, dễ nhìn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. Tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,

mức độ 4 tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi giải quyết TTHC.

3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

Thường xuyên quan tâm chú trọng đến công tác cán bộ, có sự chủ động, chuẩn bị tích cực, thống nhất cao trong việc chỉ đạo thực hiện, kết hợp chặt chẽ việc đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng với bố trí, sắp xếp nguồn cán bộ, vừa quan tâm bảo đảm sự ổn định vừa coi trọng đáp ứng yêu cầu phát triển của đội ngũ CBCC, làm tốt công tác tư tưởng và công tác tổ chức.

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực thi công vụ của cán bộ, công chức, xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

4. Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức chuyên môn thực hiện nhiệm vụ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của địa phương có trình độ chuyên môn, giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan đến tổ chức, cá nhân như: địa chính xây dựng; chính sách; tư pháp – hộ tịch, công an được bố trí làm việc tại bộ phận một cửa. Thực hiện tốt phương châm: 4 tăng; 2 giảm; 3 không trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức được đi tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, đặc biệt là trong giải quyết thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính.

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực thi công vụ của cán bộ, công chức, xử lý nghiêm cán bộ, công chức gây phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

5. Về tài chính công.

Thực hiện công khai minh bạch tài chính, thu-chi tài chính, quyết toán tài chính ngân sách hàng năm theo quy định của luật ngân sách, tổ chức quán triệt đến toàn bộ cán bộ, công chức trong cơ quan về luật ngân sách, hàng năm tiết kiệm chi ngân sách 10% theo quy định của cấp trên.

Công tác báo cáo quyết toán về ngân sách luôn được thực hiện theo quy định, báo cáo được ban kinh tế HĐND xã thẩm định trước khi trình kỳ họp HĐND xã quyết nghị theo quy định.

6. Về hiện đại hóa nền hành chính.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, trao đổi, phối hợp giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

Hỗ trợ, đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin có hiệu quả tại địa phương.

Bố trí kinh phí đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị như: máy tính, phòng làm việc, tủ đựng tài liệu cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Phần thứ ba
NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

1. Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, kỹ năng thực thi công vụ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho đội ngũ CBCC làm công tác CCHC

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao hiểu biết của CBCC và người dân về CCHC. Khen thưởng và khuyến khích những sáng kiến, cách làm hay trong thực hiện CCHC được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

3. Bố trí kinh phí đầu tư máy tính, trang thiết bị làm việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện (b/c);
- TV ĐU-HĐND-UBND xã;
- Lưu: VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Danh Diễn

Phụ lục 1

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của địa phương

| ST T | Chỉ tiêu | Của địa phương | | | | | | | | | |
|---------|---|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------------|
| | | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 (tính đến 31/3) |
| 1 | Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành các ngành, địa phương đã tham mưu ban hành (văn bản đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. | | | | | | | | | | |
| 2 | Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra. | | | | | | | | | | |
| 3 | Tuyên truyền CCHC. | | | | | | | | | | |
| - | Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Số lượng tin bài chuyên đề CCHC trên đài PT-TH tỉnh. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Số lớp tập huấn CCHC | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Xây dựng chuyên mục CCHC trên cổng TTĐT của tỉnh. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có) nêu tên các hình thức tuyên truyền. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Số mô hình sáng kiến CCHC được triển khai, áp dụng. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá tại cơ quan, đơn vị. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức. | | | | | | | | | | |
| - | Số lượng dịch vụ đã khảo sát | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 12 | 12 |
| - | Số lượng mẫu đã khảo sát. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 349 | 68 |
| - | Mức độ hài lòng (từ hài lòng đến rất hài lòng) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 83,7% | 98,7% |

Phụ lục 2
Thống kê các nhiệm vụ tại lĩnh vực cải cách thể chế

| ST T | Nhiệm vụ/ tiêu chí | | Của địa phương | | | | | | | | | |
|---------|---|-----------------------------------|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------------|
| | | | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 (tính đến 31/3) |
| 1 | Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành. | | | | | | | | | | | |
| | Chia theo tên loại VBQPP L | Nghị quyết Hội đồng nhân dân xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | | Quyết định của Ủy ban nhân dân xã | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

Phụ lục 3
Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực cải cách hành chính

| ST T | Chỉ tiêu | Của địa phương | | | | | | | | | |
|---------|--|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------------------|
| | | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 (tính đến 31/3) |
| 1 | Tổng số TTHC của xã | 115 | 115 | 126 | 130 | 145 | 176 | 170 | 182 | 211 | 232 |
| 2 | Số lượng TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của tỉnh như; giảm thời gian giải quyết ...) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 175 | 203 |
| 3 | Số lượng TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng TTĐT. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 175 | 203 |
| 4 | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. | | | | | | | | | | |
| - | <i>Số lượng TTHC thực hiện tiếp nhận tại bộ phận một cửa cấp xã.</i> | 2075 | 2541 | 2763 | 2657 | 3056 | 3215 | 3341 | 3471 | 6347 | 1079 |
| - | <i>Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp.</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 443 | 704 | 112 |
| - | <i>Số lượng TTHC đã thực hiện 4 tại chỗ.</i> | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 3028 | 5643 | 967 |
| 5 | Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC | | | | | | | | | | |
| - | <i>Tỉ lệ hồ sơ cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/ đã trả đúng hạn)</i> | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100% |
| 6 | Tiếp nhận phản ánh xử lý kiến nghị về TTHC. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Phụ lục 5

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của địa phương

| ST T | Chỉ tiêu | Của địa phương | | | | | | | | | |
|---------|---|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------------------|
| | | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 (tính đến 31/3) |
| 1 | Tổng số biên chế cán bộ, công chức. | | | | | | | | | | |
| - | <i>Tổng biên chế được giao</i> | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 | 21 |
| - | <i>Tổng biên chế có mặt</i> | 18 | 19 | 20 | 20 | 20 | 20 | 20 | 20 | 19 | 18 |
| 2 | Tổng số biên chế viên chức | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Số công chức được tuyển dụng theo hình thức cạnh tranh. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo thông qua thi tuyển cạnh tranh. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Số cán bộ, công chức được tinh giản biên chế. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Số cán bộ công chức được bồi dưỡng hàng năm. | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100 % | 100% |

Phụ lục 7

Thống kê các chỉ tiêu tại lĩnh vực hiện đại hóa hành chính của địa phương

| ST T | Chỉ tiêu | Của địa phương | | | | | | | | | |
|---------|---|----------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------------------------------|
| | | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 (tính đến 31/3) |
| 1 | Tỉ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử. | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 100% | 100% | 100% | 100% | 100% |
| 2 | Số đơn vị kết nối trực liên thông VBQG. | | | | | | | | | | |
| 3 | Số văn bản nhận trên trực liên thông VBQG. | | | | | | | | | | |
| 4 | Số lượng văn bản gửi trên trực liên thông VBQG. | | | | | | | | | | |
| 5 | Số lượng chữ ký số. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 263 | 283 | 413 | 223 |
| 6 | Tỉ lệ công chức có hộp thư điện tử. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 100% | 100% | 100% |